

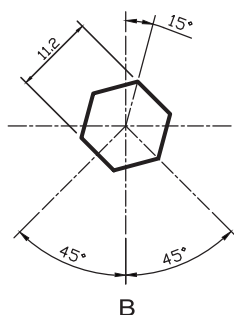
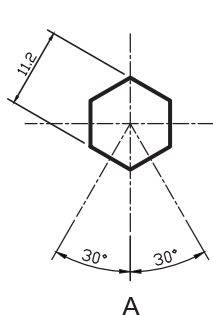


1156 Series

SERIES 56 BÁNH XE KHÓA TRUNG TÂM

56 中控系列

- Càng xoay và bánh xe đều sử dụng ổ bi chính xác, giúp xoay chuyển linh hoạt và di chuyển nhẹ nhàng. Sử dụng bánh xe Resolute có độ đàn hồi cao, chịu tải lớn, đồng thời giúp duy trì độ ổn định và giảm tiếng ồn khi di chuyển. Ốp che ngoài được thiết kế chuyên nghiệp với hình dáng đẹp, ưa nhìn.
- 腳架採用沖壓鐵支架。輪子與腳架旋轉部分均採用精密軸承，提供優越的旋轉與轉動能力。輪子為高彈力全效輪，在提供高荷重的前提下依然有靜音與平穩的行程。專業設計的腳架裝飾蓋提供腳輪優越的外觀。



Kiểu khóa xe	Đường kính bánh xe (mm)	Bề rộng bánh xe (mm)	Đường kính trục tròn (mm)	Độ dài trục tròn (mm)	Lệch tâm (mm)	Tổng chiều cao (mm)	Tải trọng (kg)	Bán kính xoay (mm)	Độ cao lỗ lắp (mm)	Đường kính lỗ lắp (mm)	Góc xoay	Vật liệu bánh xe	Mã sản phẩm
制車型式	輪徑	輪寬	插桿直徑	插桿長度	偏心距	總高	載重	旋轉半徑	插桿六角孔中心高	插桿六角孔對邊	六角轉件角度	輪面材質	品號
Càng xoay với khóa kép 二段	125	31	28	96	35	158.5	120	98	78.5	11.2	A	Bánh Resolute 全效輪	11560500458033
	125	31	28	96	35	158.5	120	98	78.5	11.2	B		11560500458233
	125	31	32	50	35	158.5	120	98	34	11.2	A		11560500458133
	125	31	32	50	35	158.5	120	98	34	11.2	B		11560500458333
Càng xoay với khóa kép và khóa đa hướng 三段	125	31	28	96	35	158.5	120	98	78.5	11.2	A	Bánh Resolute 全效輪	11560500458023
	125	31	28	96	35	158.5	120	98	78.5	11.2	B		11560500458223
	125	31	32	50	35	158.5	120	98	34	11.2	A		11560500458123
	125	31	32	50	35	158.5	120	98	34	11.2	B		11560500458323
Càng xoay với khóa kép 二段	150	31	28	96	40	183	150	115	78.5	11.2	A	Bánh Resolute 全效輪	11560600458033
	150	31	28	96	40	183	150	115	78.5	11.2	B		11560600458233
	150	31	32	50	40	183	150	115	34	11.2	A		11560600458133
	150	31	32	50	40	183	150	115	34	11.2	B		11560600458333
Càng xoay với khóa kép và khóa đa hướng 三段	150	31	28	96	40	183	150	115	78.5	11.2	A	Bánh Resolute 全效輪	11560600458023
	150	31	28	96	40	183	150	115	78.5	11.2	B		11560600458223
	150	31	32	50	40	183	150	115	34	11.2	A		11560600458123
	150	31	32	50	40	183	150	115	34	11.2	B		11560600458323
Càng xoay với khóa kép 二段	200	31	28	96	60	229	150	160	78.5	11.2	A	Bánh Resolute 全效輪	11560800458033
	200	31	28	96	60	229	150	160	78.5	11.2	B		11560800458233
	200	31	32	50	60	229	150	160	34	11.2	A		11560800458133
	200	31	32	50	60	229	150	160	34	11.2	B		11560800458333
Càng xoay với khóa kép và khóa đa hướng 三段	200	31	28	96	60	229	150	160	78.5	11.2	A	Bánh Resolute 全效輪	11560800458023
	200	31	28	96	60	229	150	160	78.5	11.2	B		11560800458223
	200	31	32	50	60	229	150	160	34	11.2	A		11560800458123
	200	31	32	50	60	229	150	160	34	11.2	B		11560800458333